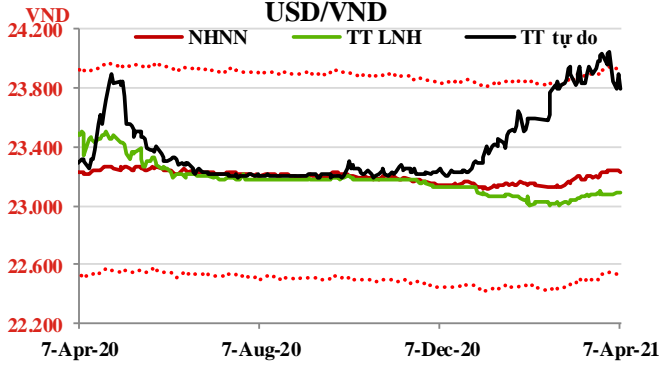


Tin trong nước ngày 07/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 07/04, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.229 VND/USD, giảm trở lại 08 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.876 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNHN, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.088 VND/USD, giảm nhẹ 02 đồng so với phiên 06/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm tiếp 40 đồng ở chiều mua vào và 90 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.780 - 23.800 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNHN:** Ngày 07/04, lãi suất chào bình quân LNHN VND giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giữ nguyên ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, chốt phiên ở mức: ON 0,29%; 1W 0,39%; 2W 0,49% và 1M 0,67%. Lãi suất chào bình quân LNHN USD tăng 0,01 – 0,03 đpt ở tất cả các kỳ hạn, giao dịch tại: ON 0,14%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp đi ngang ở kỳ hạn 3Y trong khi tăng ở kỳ hạn 15Y và giảm ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên tại: 3Y 0,66%; 5Y 1,14%; 7Y 1,52%; 10Y 2,39%; 15Y 2,60%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường TPCP:** Ngày 07/04, KBNN huy động thành công 5.000/5.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 91%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm huy động được toàn bộ lần lượt 1.000 tỷ đồng, 2.000 tỷ đồng và 2.000 tỷ đồng. Kỳ hạn 20 năm đầu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,13% (+0,03%); 10 năm 2,35% (+0,05%); 15 năm 2,55% (+0,05%).
- Thị trường chứng khoán:** Sau 7 phiên tăng liên tiếp, phiên hôm qua, áp lực bán chốt lời gia tăng mạnh khiến thị trường có những nhịp rung lắc. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,42 điểm (+0,20%) lên 1.242,38 điểm; HNX-Index tăng 1,16 điểm (+0,40%) lên 292,84 điểm; UPCoM-Index giảm 0,04 điểm (-0,05%) xuống 82,56 điểm. Thanh khoản thị trường vẫn ở mức rất cao với tổng giá trị giao dịch trên 20.200 tỷ đồng. Khối ngoại bán ròng nhẹ hơn 86 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN, cho biết, đến hết tháng 3 tín dụng tăng trưởng khoảng 2,3% so với cuối năm 2020.** Con số này cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái khi tín dụng toàn nền kinh tế chỉ tăng chưa đến 1%. Với diễn biến nền kinh tế như hiện tại, NHNN đang hướng tới kích bản tăng trưởng tín dụng ở mức khoảng 12%, nhưng sẽ linh hoạt điều chỉnh.


Lãi suất LNHN
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNHN				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.29	-0.02	0.14	0.01	3Y	0.66	0.000
1W	0.39	-0.02	0.19	0.01	5Y	1.14	-0.002
2W	0.49	-0.01	0.24	0.01	7Y	1.52	-0.023
1M	0.67	0.00	0.34	0.03	10Y	2.39	-0.001
2M	0.96	0.01	0.44	0.02	15Y	2.60	0.004
3M	1.21	0.00	0.57	0.06			
6M	1.92	0.03	0.87	0.02			
9M	2.54	0.00	1.18	-0.02			
1Y	2.97	-0.14	1.23	-0.03			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

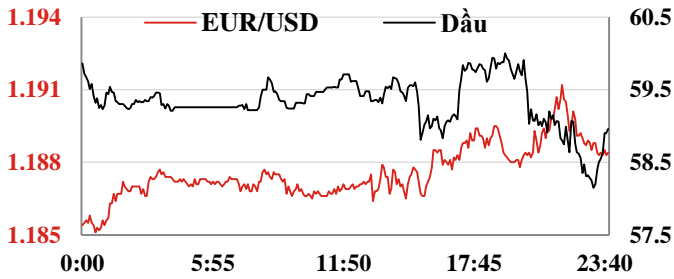
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
07-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
06-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
05-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

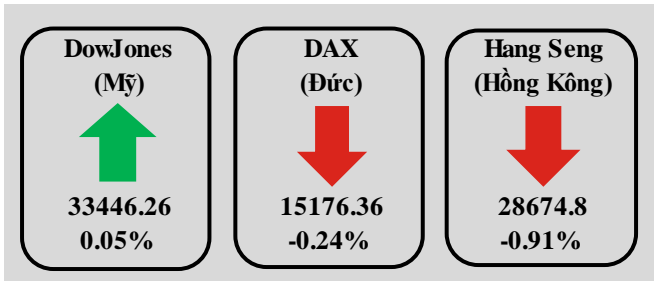
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	7-Apr-21	5	1000	1000	1.13%	0.03%
MOF	7-Apr-21	10	2000	2000	2.35%	0.05%
MOF	7-Apr-21	15	2000	2000	2.55%	0.05%
MOF	7-Apr-21	20	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			5500	5000		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1242.38	292.84	82.56
%ngày	0.20%	0.40%	-0.05%
%31/12/2020	12.55%	44.2%	10.9%
KLGD (tr.d.vị)	727.82	157.56	73.9
GTGD (tỷ đ)	16522.11	2750.00	946.67
NĐINN mua (tỷ đ)	1323.78	8.39	0.53
NĐINN bán (tỷ đ)	1383.84	34.62	0.62



	7 Apr 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	92.46	0.13%	-0.83%	2.80%
USD/CNY	6.54	0.07%	-0.16%	0.25%
USD/EUR	0.84	0.04%	-1.20%	2.89%
USD/JPY	109.84	0.09%	-0.78%	6.39%
USD/KRW	1119.03	-0.01%	-0.72%	3.19%
USD/SGD	1.34	0.19%	-0.25%	1.54%
USD/TWD	28.46	0.08%	0.04%	1.36%
USD/THB	31.36	0.22%	0.38%	4.39%
USD/VND Trung tâm	23229	-0.03%	-0.06%	0.42%
USD/VND LNH	23088	-0.01%	0.04%	0.00%
USD/VND tự do	23780	-0.17%	-0.50%	2.06%
Vàng	1737.28	-0.36%	1.77%	-8.39%
Dầu	59.77	0.74%	1.03%	23.19%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0763	-0.0016		
SW	0.0859	-0.0003		
1M	0.1125	0.0024	0.2813	0.0000
2M	0.1456	0.0015		
3M	0.1936	-0.0038	0.4375	0.0000
6M	0.2100	0.0090	0.5932	0.0000
1Y	0.2853	-0.0010	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 06/04/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	28/04/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	22/04/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	04/05/2021

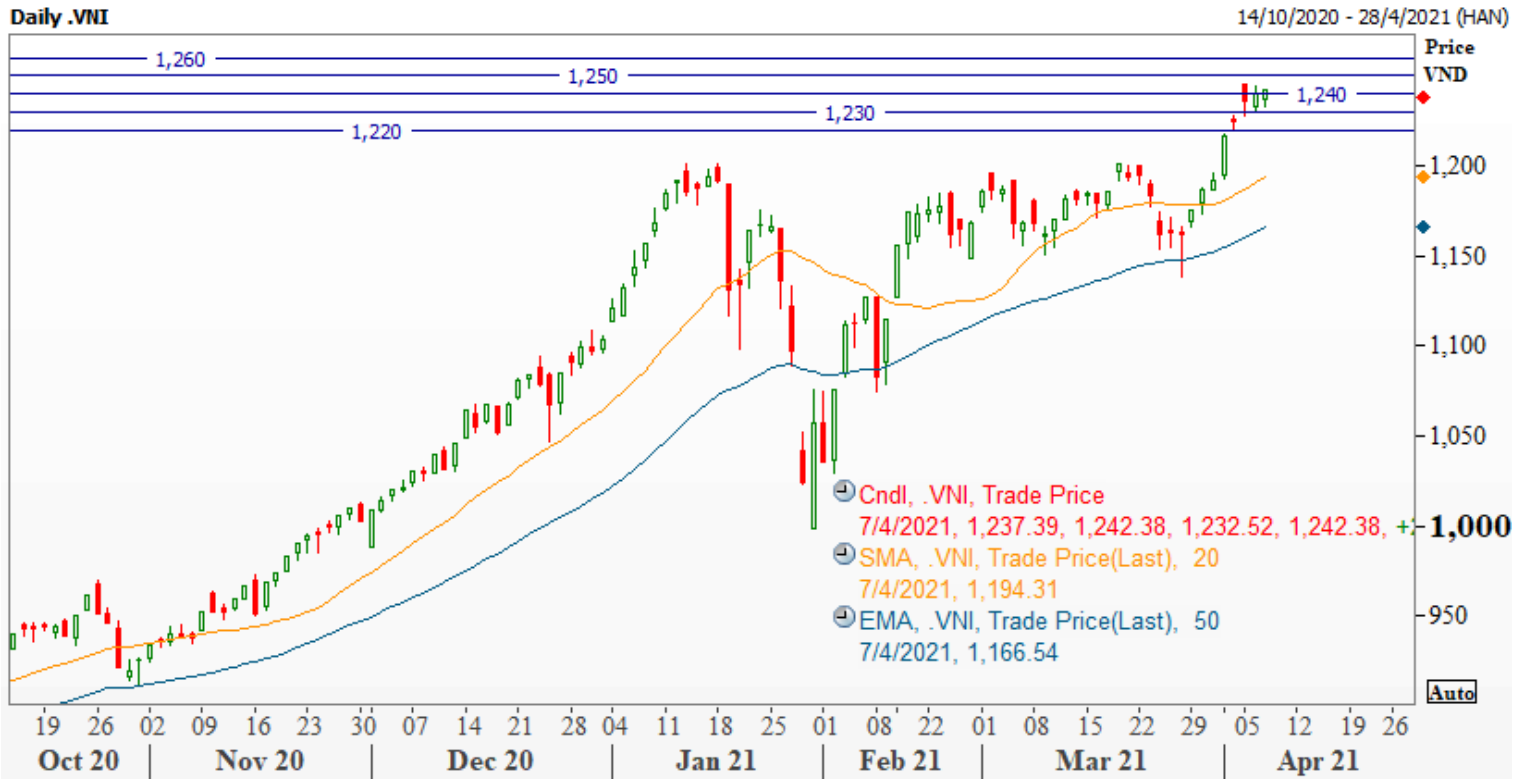
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed vừa công bố biên bản cuộc họp tháng 3.** Các quan chức Fed cho biết chính sách thích ứng sẽ chỉ được thay đổi khi đạt được tiến bộ đáng kể hơn nữa đối với các mục tiêu về toàn dụng nhân công và ổn định giá cả; nhấn mạnh chính sách này sẽ không bị điều chỉnh dựa trên các dự báo. Biên bản cho biết thị trường sẽ nhận được nhiều thông báo trước khi Fed thực hiện bất kỳ thay đổi nào. Tại cuộc họp hồi tháng 3, các quan chức có quyền bỏ phiếu của Fed đã thống nhất giữ lãi suất vay ngắn hạn ở mức gần 0% và tiếp tục mua ít nhất 120 tỷ USD trái phiếu mỗi tháng. Trong biên bản, Fed đã đưa ra triển vọng tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Dự báo GDP năm 2021 của Mỹ được tăng lên 6,5% từ mức kỳ vọng 4,2% trong dự báo tháng 12; tỷ lệ thất nghiệp có thể giảm xuống 4,5% vào cuối năm và lạm phát có thể lên đến 2,2%, cao hơn một chút so với mục tiêu 2% truyền thống của Fed.
- Nước Mỹ thâm hụt lớn trong tháng 2.** Cơ quan Phân tích Kinh tế Mỹ BEA cho biết nước này thâm hụt cán cân thương mại 71,1 tỷ USD trong tháng 2 vừa qua, sâu hơn mức thâm hụt 67,8 tỷ của tháng 1 đồng thời sâu hơn mức thâm hụt 70,2 tỷ theo dự báo. Đây là mức thâm hụt cán cân thương mại kỷ lục của nước này. Theo thống kê, kim ngạch xuất khẩu trong tháng 2 giảm 2,6% m/m xuống còn 187,3 tỷ USD và nhập khẩu giảm nhẹ 0,7% m/m xuống 258,3 tỷ USD. Các chuyên gia cho biết thương mại Mỹ vẫn đang chịu tổn thương từ dịch Covid-19, cùng với đó là đợt không khí lạnh trái mùa xuất hiện hồi đầu năm làm tê liệt tạm thời chuỗi cung ứng. BEA kỳ vọng tình hình thương mại sẽ được cải thiện trong tương lai, tuy nhiên cũng dự báo cán cân thương mại vẫn thâm hụt lớn trong năm 2021.
- PMI lĩnh vực dịch vụ của Eurozone và Anh lần lượt được điều chỉnh so với sơ bộ.** IHS Markit cho biết PMI lĩnh vực dịch vụ của Eurozone chính thức đạt mức 49,6 điểm trong tháng 3, được điều chỉnh tăng lên so với mức 48,8 điểm theo khảo sát sơ bộ, đồng thời tăng khá mạnh từ mức 45,7 điểm của tháng 2. Tại nước Anh, PMI lĩnh vực dịch vụ chính thức ở mức 56,3 điểm trong tháng 3, điều chỉnh giảm xuống so với mức 56,8 điểm theo khảo sát sơ bộ, tuy nhiên vẫn tăng mạnh so với mức 49,5 điểm của tháng trước đó.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
07-04	15:00	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ Eurozone T3	49.6	48.8	48.8
07-04	15:30	*	PMI chính thức lĩnh vực dịch vụ nước Anh T3	56.3	56.8	56.8
07-04	19:30	*	Cán cân thương mại Mỹ T2	-71.1B	70.2B	-67.8B
08-04	1:00	***	Biên bản cuộc họp FOMC T3			
08-04	6:50	*	Cán cân vãng lai Nhật Bản T2		1.02T	1.50T
08-04	12:00	*	Niềm tin tiêu dùng Nhật Bản T3		35.6	33.8
08-04	13:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Đức mm T2		1.3	1.4
08-04	15:30	*	PMI lĩnh vực xây dựng tại Anh T3		55.0	53.3
08-04	19:30	*	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ 7e		690K	719K

VN-INDEX



VN-Index tiếp tục tăng nhẹ lên mức 1.242,38 điểm. Vùng kháng cự 1.250-1.260 điểm đang được xem là vùng cản gần có thể tạo ra áp lực điều chỉnh cho chỉ số khi tiếp cận.

Nguỡng hỗ trợ: 1.230 – 1.220

Nguỡng kháng cự: 1.250 – 1.260

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn